

KINH KIM QUANG MINH VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 4 (Phần đầu)

Giải thích nghĩa theo kinh để, có sáu.

Một là khen ngợi biển của bảy tướng lớn: Ba mươi hai tướng là lớn, tám mươi tướng quý là nhỏ. Vì mỗi tướng quý đều là pháp giới, đều là vô biên và không có đáy nên gọi là Biển. Tức là, câu đầu tiên khen ngợi tướng thứ mười bốn là sự mâu nhiệm của Kim Quang. Vì vậy, Đại sư nói là “Sắc trên hết”.

Hai là câu tiếp theo khen ngợi tướng thứ mười lăm là ánh sáng của thân.

Ba là một bài khen ngợi tướng thứ hai mươi tám là sự sâu xa của Phạm âm.

Bốn là một bài khen ngợi tướng thứ bảy mươi chín, là tóc màu xanh ngọc.

Năm là một bài khen ngợi tướng hai mươi hai là có đủ bốn mươi cái răng.

Sáu là một bài khen ngợi tướng hai mươi chín là mắt.

Bảy là một bài khen ngợi tướng chiếc lưỡi lớn mỏng, le ra phủ kín mặt đến mí tóc,

Tám là một bài tụng khen ngợi ba mươi một là tướng sợi lông trắng giữa hai đầu chân mày. Trong tám đoạn này, một đoạn là tướng nhỏ và bảy đoạn là tướng lớn.

Kế là “Lông mày nhỏ nhiệm v.v...” trở xuống là khen ngợi biển của hai tướng nhỏ.

Một bài đầu là khen ngợi tướng thứ ba, lông mày như hình trăng non.

Một bài tiếp theo là khen ngợi tướng thứ hai, mũi cao đẹp, lỗ không hiện ra. “Tu dương”: Tu là dài, dương là đưa lên. Tức là lông mày cao mà dài. Diện môn là miệng.

Ba là hai câu khen khắp cả biển của tướng lớn: Đã gọi là “thứ lớp

tối thượng” tức là khen ngợi khắp cả ba mươi hai tướng.

Bốn là “Đạt được mùi vị v.v...” trở xuống là khen ngợi về biển của tướng lớn.

Tiếp theo là hai câu khen ngợi tướng thứ hai mươi sáu, nước bọt trong cổ họng là đạt được mùi vị trên hết trong các mùi vị.

Hai là hai câu khen ngợi tướng thứ mười ba, lông hướng lên trên, màu xanh, mềm mại và xoay về bên phải.

Ba là “Cánh tay dài v.v...” trở xuống là bốn câu khen ngợi tướng thứ chín, lập tướng tay Ma-đăng.

Bốn là bốn câu “vầng Ánh sáng hình tròn, rộng một tầm v.v...” trở xuống là khen ngợi tướng thứ mười lăm, ánh sáng của thân và mặt, mỗi thứ phát ra xa một trượng. Ở đây nói một tầm là nói theo Đức Phật. Tuy đã là Ma-đăng tức là tướng đương với mặt, mỗi thứ đều một trượng. Ánh sáng này đã là ánh sáng thường hằng, cho nên chúng ta suy nghiệm để biết rằng các tướng đều là tướng thường hằng. Nói “Khen ngợi tôn đặc”: Tức vì không cần phải có thân lớn, tướng nhiều mà chỉ cần do nghiệp thức y theo lý của Trung mà hiện khởi thì thân được nhìn thấy gọi là tôn đặc. Người học nên biết về điều ấy. Nếu đo lường thân trượng sáu này thì không đạt được bờ mé, nếu không đo lường vì cái được thấy là Như. Như căn phòng của Tịnh danh chỉ rộng chừng một trượng nhưng dung chứa được cả trăm ngàn người, trời, lại có thể dung chứa ba mươi hai ngàn tòa sư tử mà mỗi tòa cao đến tám mươi bốn ngàn do tuần.

Do-tuần, kích thước đầu tiên của căn phòng ấy không thay đổi là nhờ năng lực của ba giải thoát không thể suy nghĩ bàn luận làm nên. Nay vì khen ngợi tướng tôn đặc ngay nơi thân thường trụ thì lẽ nào nghĩa lại không như vậy. Lời nói “vắng lặng nhiệm mầu” ấy quả là không sai. Văn kinh trừ bốn tướng lớn ấy ra có khi lại khen ngợi các tướng như phát ra ánh sáng, nhỏ gốc khổ, cho niềm vui, nhân của hạnh nghiệp và quả của công đức, tất cả đều như văn kinh nhưng đều phải giải thích theo lợi ích mười phen. Dù cho có hai tướng nhỏ đi nữa thì cũng vì sự làm sáng tỏ của văn. Điều mà sợ không chỉ ra tức là vẻ mặt như vầng trăng là tướng thứ bốn mươi một mặt sạch như trăng tròn, thân không dơ bẩn tức là tướng thứ mười một thân sạch sẽ.

Năm là hai câu “Cánh tay thẳng đều v.v...” trở xuống là lại khen ngợi về biển của một tướng nhỏ, tức là tướng thứ mười bốn, ngón tay dài mịn và tròn, tức là đều, thẳng. Còn âm là dung. Sáu, hai câu “Tay chân v.v...” trở xuống là lại khen ngợi về biển của một tướng lớn: Tức là tướng thứ tư, tay chân mềm mại hơn hẳn các phần khác của thân. Ba

mười hai tướng, tám mươi vẻ đẹp có đủ thứ lớp của pháp giới Như. Tuy trí tuệ khéo khéo của Long Tôn lược bỏ nhưng cùng khắp.

Từ “Đi v.v...” trở xuống là khen ngợi khắp các loài: Sở dĩ số cát bụi của ba đời mà nói là một, bởi quá khứ không diệt mất, vị lai không sinh và hiện tại không dừng trụ. Pháp thân bình đẳng, Báo và Ứng chẳng khác nhau, một không lìa Nhiều, Nhiều không lìa Một. Chúng sinh và Phật mà còn chính là nhau thì lẽ nào Phật và Phật mà lại khác nhau. Vì thế, mà sư khen ngợi một loài ở trong tất cả. Đoạn văn này lại là đoạn văn khen ngợi thân tôn đặc. Vì sao? Vì bản số ở trước nói rằng: “Nếu thấy bốn đức “Phật đều là tôn đặc, một thân, một trí tuệ thì đó là thấy thân thường trụ. Vì chúng đệ tử chỉ có một, nếu thấy bốn vị Phật khác nhau thì tức là Ứng hóa. Vì chúng đệ tử nhiều. Như thế, ta biết rằng số chỉ y theo một thân, một trí và nghĩa của thường trụ là tướng của tôn đặc chứ chẳng cần phải nói về sự hiện khởi thân cao lớn. “Văn-thù hỏi Bát-nhã: chữ hỏi là sai, lẽ ra nên viết là nói. Nhà chú giải ngày nay y theo hai kinh để nói về Tam-muội Thường Tọa.

Một là Văn-thù nói Bát-nhã, hai là Văn-thù hỏi Bồ-đề. Văn được trích dẫn hôm nay là văn nói về Bát-nhã.

Từ “Bày biện v.v...” trở xuống là dứt bật nói năng, khen ngợi, có hai:

Một là chia văn.

Hai là “mà có v.v...” trở xuống là giải thích theo văn, có hai:

Một là dứt bật ngôn từ khiến bật luôn cả tâm:

Kế phen là vẫn y theo môn phân biệt. Sự hơn kém của ba thân không lìa phân biệt mà có ý nghĩa dung nhiếp. Người học nên biết!

Kế là “Từ...” trở xuống là hồi hương:

Một là xoay lại sự để hưởng về lý tức là thật tế.

Hai là xoay lại Tự mà hưởng về tha, tức chúng sinh tế.

Ba là xoay nhân để hưởng về quả, tức là Bồ-đề tế. Nay thiếu Thật tế Bồ-đề bao gồm. Đó là đạo Vô thượng, vì bản tánh vốn là Vô thượng.

Kế là từ “Như v.v...” trở xuống là phát nguyện đời sau, có hai:

Một là chia văn lập ý. “Đến tại không xa”: Tức là Phẩm Thọ ký ở dưới. Một vạn Thiên tử đến từ cõi trời Đạo-lợi.

Hai là tùy theo kinh để giải thích nghĩa, lại có:

Một là đêm nằm mơ, ngày nói về nguyện.

Hai là “Ta nên v.v...” trở xuống là vì người mà giữ lấy lời nguyện tịnh độ: Không tu sáu độ, không nhổ gốc khổ cho chúng sinh thì cõi

nước không nhờ đâu được thanh tịnh. Nên biết rằng bốn sự tu tập và bốn tướng làm cho người tu thấy được ba thân của ta ở đời vị lai.

Ba là “dâng hiến v.v...” trở xuống là đều mong được thọ ký: Vì trống có nghĩa là tròn, rộng và kêu. Nay khen ngợi một thể ba thân của Như Lai gọi là trống vàng, khen ngợi nhân duyên của Phật. Dùng nhân duyên ấy để hưởng về quả địa gọi là dâng hiến chứ không nói về hình dáng của trống vàng thuộc về sự tướng.

Bốn là “Nếu có v.v...” trở xuống là lời nguyện “dưới hóa”.

Năm là “Ta chưa v.v...” trở xuống là lời nguyện “trên cầu”. Hai lời nguyện này đều giải thích về hai thứ lợi ích là Dứt ác, sinh thiện. Người học có thể thấy ở văn.

Từ “Tín v.v...” trở xuống là kết, hội ý việc của hai đời để giải thích về phẩm Không, như sau:

- Giải thích tựa đề, có hai:

- Y theo sự giải thích về có ở cả bốn thứ giáo để chỉ bày. “Không được nói về” tức là lấy sự phá hủy tướng làm nghĩa. Vì vậy, bốn thứ không trong giáo lý của một đời chẳng giống nhau. Nếu người học không phân biệt vấn đề này thì sẽ bị mê muội đối với danh và Lý. Vấn đề này lại chia làm hai.

- Y theo bộ để nêu ra bốn thứ, có hai:

Một chính là định về bốn thứ không “Diệt sắc nhập vào không”: Tức là giáo lý của ba tạng. Lại gửi (vào) sắc mà nói các pháp đều diệt. Đó là nói (nếu) phá kiến và ái (thì) ấm liền bất sinh. Để giải thích Thật hữu phải diệt mới nhập vào không. “ngay nơi sắc là không”: Tức là Thông giáo. Thể nhập nhân quả chẳng phải do bốn tánh sinh ra. Vì đã giải thích Huyền hữu nên ngay nơi sắc là không. “Diệt bờ mé nhập vào không”: Tức là Biệt giáo. Trung đạo là không, chẳng những “Không hóa hữu mà cũng không hóa cả không nữa. Nhưng vì không biết rằng Trung có ở không và Hữu cho nên từng bước dứt bỏ hai bên rồi mới đi vào Không của Trung. “Chính biên là “không”: Tức là Viên giáo. Trung đạo có đủ đức tánh. Vậy, có Biên nào mà chẳng phải là Trung. Chỉ có giả, chỉ có không, cả ba đều bật đối đãi, phá hủy tức khắc, dứt hết các tướng gọi là không của ngay nơi Biên.

Hai là “Kinh này v.v...” trở xuống là y theo bộ thì phải (có) bốn thứ: Phán giáo thuộc về Thông, ba thừa đều cùng sám hối. Trước đầu nhiếp ba tạng, sau có cả cả Biệt và Viên. Cái không của sự dẫn đến thành tựu, hợp lại mà nói về bốn thứ. Vì vậy, Tuệ của bốn thứ chẳng được không sáng tỏ.

Kế là “mà nay v.v...” trở xuống là xếp phẩm chỉ là Viên, lại có:
- Chỉ bày thẳng về vấn đề. Chỉ là Viên, có hai:

Một là y theo Lý để chỉ bày: Dùng bốn thứ để nhiếp cơ, đó là con đường phổ thông. Phẩm ở tại không của Viên thì đó mới là ý chỉ. Vì vậy, không của Trung được chỉ bày ở ngay nơi Biên.

Hai là “Vì sao v.v...” trở xuống là dẫn văn để chỉ bày: Các bộ Bát-nhã chỉ bày về không tuệ của ba giáo rất đầy đủ. Đồng thời lại lấy ba tạng làm phép quán của giúp đạo. Đó là vì người lợi căn của Văn trì mà nói rộng về tướng không, cơ của không tuệ này xét về Nghĩa trì tuy là lợi nhưng vì Văn trì căn độn nên không nói rộng về bốn tướng không mà chỉ nói về một loại không tuệ của Trung ở ngay nơi biên.

Kế là “Lại nữa, không v.v...” trở xuống là chỉ bày sơ lược về tướng của Viên: Trung thọ nhận có danh của không nhưng ý lại là quét sạch tướng. Phạm phu chấp hữu tự nhiên ngăn ngại. Nhị thừa chứng Vô nên diệt độ như tro nguội trở về vắng lặng. Trung quán dứt bật cái không niệm khiến cho hai biên hoàn toàn sạch hết. Y theo thứ lớp và không có thứ lớp mà chia ra Biệt và Viên, ở đây thì không thứ lớp.

Kế là “trực tiếp làm v.v...” trở xuống là theo sáu câu so sánh với Trung để phân biệt, có hai:

Một là nói về ý nghĩa dùng câu: Nếu trực tiếp nói không là nghĩa của Trung đạo thì chẳng thể không hóa cả hai bên. Cho nên tà giáo Tiểu thừa và Biệt giáo đều nói song phi không đối với Hữu và Vô. Vì thế, kẻ mê tên gọi cho rằng “không” ấy giống với nay thì làm sao siêu ngộ được hai bên tức là không của Trung? Lại nữa, vì sợ họ cho rằng Viên và Thật hợp bàn về Trung đạo, đâu chỉ gọi là không nên Đại sư tạo ra tướng để phá tướng. Tướng của tu tức là ba cặp sáu câu để phân biệt. Nếu kẻ bị lẫn lộn về danh tướng của các pháp tướng mà không có sáu câu này thì chẳng thể phân biệt sự khác nhau và giống nhau.

Hai là “Không phá v.v...” trở xuống chính là dùng cú để gián biệt, có hai:

Một là nêu sáu câu: Song phi là Trung. “Chìm ở Trung gọi là lưu giữ song phi”: Vì tên gọi Trung đạo, tà giáo, Tiểu thừa ít thiết lập. Nếu là tên gọi song phi thì nơi nào cũng đều có. Vì thế, Đại sư đặc biệt dùng Trung đạo để so sánh với không của Viên hôm nay để phân biệt về vấn đề giống và khác. Lại nữa, Thể của không cú và song phi của ngoại đạo, Tiểu thừa và Biệt giáo là có thể nghĩ bàn, là Pháp có thể hủy hoại. Nếu song phi và không của Viên giáo mà lập thì nghĩa của các giáo đều bị diệt. Do đó, hai tên gọi của Viên thay nhau phá hủy hai tên gọi

của các thứ giáo. Lại nữa, hai tên gọi của các tu tập thay nhau tu tập về Viên. Hai là trong hai thứ bờ mà ngoại đạo và Bồ-tát đi vào Viên. Nhị thừa, sơ tâm cũng có nghĩa tu tập. Hai thứ song này có hai, tên gọi các giáo đối với Viên có hơn kém khác nhau. Một song thứ ba thuộc giáo lý đương cơ của Viên. Vì khác tên nhưng giống Thể nên tức là nhau mà không nói về tu phá.

Hai là “Không phá v.v...” trở xuống là giải thích tướng của câu, gồm có:

- Giải thích tướng phá câu, có hai:
- Không phá Trung, có hai:

Một là chỉ bày khái lược: Vì lý quyết định giải thích, không gặp gọi là hoặc. Lẽ nào nghe về Song phi lại là thật lý. Bởi vì có thể hiểu rõ Thể của song phi thuộc phàm và tà là kiến hoặc, song phi của Nhị thừa là chỉ chứng Thiên chân, song phi của Biệt giáo là đã giữ gìn giáo đạo rồi mà còn chưa dung nhiếp với ba (giáo kia). Nếu lập ra cái không của Viên thì tất cả các loại Song phi ở trước đều bị tiêu diệt. Vì thế, Đại sư nói là “phá”.

Hai là “Phàm, Tà v.v...” trở xuống là giải thích chi tiết, như sau:

- Phá Song phi của Phàm, Tà, có hai:
- Chỉ chung tướng của thấy, có hai:

Một chính là chỉ bày.

Phức tứ: Phức cũng như trùng. Đó là đối với một câu lại quan niệm về Hữu và Vô. Tức là Chấp Hữu là Hữu, chấp Hữu là Vô. Cho đến song phi là Hữu, song phi là vô. Cái thấy có đủ, quan niệm của nó càng trở nên tinh xảo. Vì vậy, đối với mỗi câu đều sinh ra bốn niệm.

Hai là “Tuy đơn v.v...” trở xuống là kết sự sai lầm. Tuy ba loại bốn câu chuyển thành tinh xảo, nhỏ nhiệm nhưng vì chấp một loại Thật, còn các loại khác đều là nói dối nên kiến và ái càng dữ dội, nghiệp và khổ không bờ bến, mênh mông như biển.

Kế là “Tuy quan niệm v.v...” trở xuống chính là phá hoại thứ tư, có hai:

Một là chỉ bày về quan niệm nghiêng lệch bị phá: Song phi là hoặc, không đi vào Thật của chân và trung là luống dối.

Hai là “Vì thế, là v.v....” trở xuống là nói về có thể phá không của Viên.

Kế là phá song phi của Nhị thừa, có hai:

- Nói rộng về tướng chứng đắc, có hai:

Một là nói về tướng chứng đắc: Song phi của Nhị thừa tuy chẳng

phải là thật của Trung nhưng quan điểm Đoạn, Thường đối với Chân lý. Chưa đến đảo châu báu, chỉ đến hóa thành thì làm sao an ổn được? “Phạm hạnh v.v...”: Vô học bốn trí, trong bốn chỉ thiếu “Sự sinh của ta đã chấm dứt”. Cho sự diệt độ v.v... là đầy đủ. Do ôm ấp quan niệm ấy nên không tìm cầu cái biết cùng khắp.

Hai là chỉ bày về bốn môn. A-tỳ-đàm: Hán dịch là Vô tử pháp, giải thích pháp quán của Hữu Môn. Năm vị là câu lân v.v... và một ngàn hai trăm vị A-la-hán đều đi vào môn này. Luận Thành Thật giải thích pháp quán của không môn. Tu-bồ-đề đi vào môn này. Côn-lặc: Hán dịch là Khiếp tạng. Luận này giải thích pháp quán của “Song diệp”. Vì vậy, đại luận chép: “Nếu không đạt được Bát-nhã ba-la-mật đa mà đi vào A-tỳ-đàm thì bị rơi vào Hữu và vô”. “Na-đà v.v...”. Thích luận nói về Phật diệt độ, A-nan hỏi Xa-nặc, Phật đáp: “Sau khi ta Niết-bàn, tánh ác của Xa-nặc sẽ dần dần điều phục. Ông nên nói kinh Đà-na-ca chiên diên cho ông ấy nghe”. Đó chính là song phi môn. Pháp quán của bốn môn là giả, người vốn là không. Tuy bốn môn chẳng khác nhau nhưng bốn tướng của Thật pháp lại khác nhau, Hữu môn thì niệm niệm sinh diệt. Không môn thì ba giả phù hư. Song diệp môn thì Hữu vô ung dung. Song phi môn thì cả hữu và Vô đều bị dứt diệt. Tùy căn cơ để y theo một loại quán thì sẽ phát khởi được Chân (Như). Ý của bốn môn thuộc ba tạng, đại khái là như vậy.

Kế là “liạ đoạn v.v...” chính là chỉ bày về sự phá hoại Trung, như sau:

- Chỉ bày về giả danh, Trung là đối tượng bị phá. Tên gọi Trung đạo đại khái có hai thứ:

- Liạ đoạn Thường gọi là Trung đạo: Hai thứ này có danh mà không có thể, thuộc hai thứ giáo ở trước.

Hai là Phật tánh gọi là Trung đạo: Loại này có thật thể, thuộc hai thứ giáo sau. Nay nói về hai cái thấy là Đoạn và Thường của song phi có được tên gọi Trung đạo. Nhưng thật sự thì hoàn toàn không phải là sắc tâm mâu nhiệm. Vì thế, chúng không có cái thể của Trung. Do đó mà tình tướng không mất đi, ôm cái nghiêng lệch mà chấp chững. Ở đây thì dùng cát, sạn mà nói là ngọc Lưu ly.

Tiếp là “Vì thế, là...” trở xuống là chỉ bày rốt ráo chẳng phải là chủ thể phá hủy. Đây là không tức Biên của Phẩm này. Nếu phát khởi được loại không này thì Trung thuộc giả danh bị hoại diệt. Đó chính là không phá chẳng phải hữu, chẳng phải vô.

Ba là Phá môn song phi của Biệt giáo, gồm có:

- Chỉ bày về cửa mê khởi sai lầm, có hai:

- Mê khởi sai lầm, có hai:

Một là Nêu ý: Căn tánh của hành giả thuộc biệt, so với Viên gọi là Độn. Chẳng phải bốn mà nói bốn gọi là khéo léo.

Dụ như chiếc bè: Ý của bốn môn nằm ở chỗ đi vào Lý. Ý của bè là vượt sông. Nếu chấp đắm môn để sinh khởi sự tranh đấu thì cũng như kẻ vác bè mà chạy trên đường. Vì thế, kinh Phật dụ nói: “Pháp còn nên xả bỏ huống chi là chẳng phải Pháp”.

Hai là “Không được v.v...” trở xuống là nói về sai lầm: Sai lầm đối với sự dung nhiếp là một mà chẳng phải ba.

Kế là “Niết-bàn v.v...” trở xuống là chỉ bày về tướng của bốn môn: vừa là sắc vừa chẳng phải sắc, là Song diệc môn. Chẳng phải sắc, chẳng phải là chẳng phải sắc là song phi môn.

Kế là “Nếu mỗi v.v...” trở xuống là nói vì sai lầm cho nên phải phá: Sự tranh chấp này là sai, tức biên chẳng có cách gì để phá được.

Kế là “bản mới dịch v.v...” dẫn chứng để chỉ bày về tướng sai lầm: kinh nói về vấn đề Sơ địa che chở cho địa tiền. “Đều có bốn môn”: Kinh nói: “Bồ-tát Sơ địa muốn thực hành con đường Hữu tướng”. Tức là Hữu môn: “Đối với pháp Vô tướng phải dụng nhiều năng lực” tức là không môn; “Một ý thì muốn nhập Niết-bàn, một ý thì lại muốn vào sinh tử” tức là song diệc môn; “Chưa tu hành đủ đối với Tạng mẫu nhiệm và bí mật” tức là song phi môn. “Đại kinh... “ trở xuống là giải thích về sự đạt được của ngày nay để làm sáng tỏ sự sai lầm ở trước: Trước là thuộc Biệt môn, là tà kiến của tranh chấp chứ chẳng phải là tà kiến của ngoại đạo.

Kế là “Phi hữu v.v...” trở xuống là nói rõ trung phá không.

Tiếp là nói về câu của cùng tu, lại có:

Một là nói về các loại không tu tập của viên, cái thấy không của Phàm và tà, sự chứng về không của Nhị thừa và không môn của Biệt giáo đã tùy theo hai bên, nếu nghe về Trung của Viên thì tất cả đều phải quán Trung đạo ngay nơi Biên.

Hai là các loại song phi tu không của Viên: Nếu Tà, Tiểu và Biệt giáo thì dù nói là Song phi nhưng thành sự chấp tướng thì phải tu ba đế đều là không, gọi là rốt ráo không. Vì các loại song phi và các câu của không chẳng phải là con đường rốt ráo mà là chín pháp giới, cho nên tất cả đều phải tu tập pháp quán siêu việt của không và Trung thuộc Viên giáo để quy hướng về kho bí mật.

Ba là giải thích về câu của tướng tức tuy các kinh luận nói về

không, nói về Trung, nhưng trong số lượng danh tướng nhiều ít, nếu cái không của tức Biên dứt sạch ba đế thì một thể khác tên của Viên giáo ở đây là nghĩa tương tức, không cần phải phá lẫn nhau và tu lẫn nhau.

Đầu tiên, nói về tính không hai của không và Trung thuộc Viên giáo, có hai:

Một là chỉ bày trực tiếp về không hai.

Hai là dẫn Bát-nhã để kết: Ba thứ Bát-nhã là Thật tướng, Quán chiếu và Danh tự. Vì ngay nơi ba là một nên là một pháp. Ngay nơi một là ba nên đặt tên làm sao đạt đến cùng cực. Nếu đạt được ý ấy thì tất cả sự khác nhau của danh từ đều là tức nhau.

“Nhưng, Bát v.v...” trở xuống là nói phẩm nay nói lược gọi là không, lời văn đơn giản mà nghĩa dồi dào v.v... Vì che chở cho người căn tánh linh lợi của Nghĩa trì nên dùng tên gọi đơn giản để nêu mục lục của phẩm.

Kế là “Phẩm này v.v...” trở xuống là nói về ý sau này, như sau:

- Dẫn đạo thành Thượng phẩm, có hai:

- Chính là chỉ bày, có hai:

Một là Dẫn dắt hai thứ dụng: Nếu người tu không nhận biết được ngay nơi biên là không thì sám chẳng phải là Vô sinh nên không phá hết điều ác, thì khen ngợi không xứng hợp với tánh, nên sự sinh khởi điều lành không được sâu. Vì điều lành không sâu nên lẽ nào lại thành trí đức? Ví không hết điều ác thì lẽ nào lại thành Đức dứt? Vì kẻ độn căn chưa liễu ngộ đối với ở trước nên đối với Phẩm nay mà thường nói về không tuệ để dẫn đoạn Sám và khen ngợi ở trước thành hai thứ dụng.

Hai là “Cũng là v.v...” trở xuống là thành ba chương. Sám và khen ngợi là dụng, như ở trước đã nói, “Dẫn dắt thành tông”: Nhân của muôn ngàn hạnh nhờ Vô sở đắc mới chứng được ba thân. Nếu không có loại rốt ráo không thì lẽ nào lại có vô sở đắc. Do đó, không của Viên dẫn dắt muôn ngàn hạnh thành tông chỉ của quả đức. “Dẫn dắt thành thể”: Pháp tánh rộng sâu, hiện hữu khắp tất cả các pháp. Và hai thứ Ngã nên sinh tử rộng mệnh mông. Nay dùng hai thứ không dẫn dắt tất cả các Pháp mà làm thành thể của kinh.

Kế là “Vì vậy, giải thích v.v...” trở xuống là dẫn chứng: Luận nói rằng tất cả lấy Thể, Tông và Dụng mà gồm nhiếp trọn vẹn.

Kế là “Lại nữa, Thường v.v...” trở xuống là khai ngộ cho kẻ độn căn: không của Viên có đầy đủ đức, tất cả đều thanh tịnh. Vì vậy mà Đại sư bàn về nguồn cội của Thường và làm sáng tỏ về sự giác ngộ Thể. Hai thứ dụng của Sám và khen ngợi đều là pháp tuyệt đối thanh tịnh, thì

lẽ nào lại có một câu rời không của Viên? Như nói rằng “Tất cả chúng sinh đều là Bát-nhã” là chỉ có ý nghĩa ấy. Bậc lợi căn thì giải ngộ được nghĩa của không ở trên sự nghe. Nay, vì người độn căn chưa hiểu biết mà đặc biệt nói về sinh, pháp, Cảnh và quán đều không thể giúp đỡ cho họ thành tựu nghĩa trên.

Kế là giải thích về Văn, có hai:

Một là chia văn.

Hai là giải thích văn, có hai:

- Giải thích về vấn đề “Muốn nói về không”, có hai:

- Giải thích, có tám.

- Giải thích về việc nói đầy đủ của các kinh khác, có hai:

Một là chỉ bày chung về tướng để làm sáng tỏ ý.

Hai là “Nếu chỉ cho v.v...” là nói riêng về chỉ cho nghĩa ở trước, có hai:

Một là y theo sự sai trái của thứ lớp các bộ.

Hỏi: Đại kinh nói: “Từ bờ sống sinh ra bờ chín” là dụ cho từ Phương đẳng mà sinh ra Ma-ha Bát-nhã. Vì vậy, ta biết rằng Bát-nhã có sau Phương đẳng. Kinh này đã thuộc Phương Đẳng thì lẽ nào lại chỉ rằng Bát-nhã đã được nói xong?

Hai là y theo phần sau cho đến hết là đáp, có hai:

Một chính là trả lời chung, có hai:

Kế dẫn giáo để trả lời chung, có hai:

Một là lập chung ý: Vì kinh này sau Phương đẳng nên Tín Tướng nghe chỉ ba tháng nữa Phật nhập diệt nên mới nghi ngờ. Do đó mà Đại sư chỉ vào Bát-nhã mà gọi là “Đã nói”.

Hai là “Lại nêu v.v...” trở xuống là dẫn ba quyển kinh, như sau:

- Dẫn A-hàm, có hai:

Một chính là dẫn “Ở trước Phật mà đi”: Tức là bảy ngày trước khi nhập diệt. Sa-di Quân-đầu là đệ tử ngài Thân tử.

Hai là ở Linh Sơn chỉ có Pháp Hoa thọ ký cho Thanh văn thành Phật.

Kế là “Lẽ nào không v.v....” trở xuống là kết luận sự chỉ bày.

Kế là Dẫn Đại Phẩm, có hai:

Một chính là dẫn.

Hai là “Nên biết v.v...” trở xuống là kết luận sự chỉ bày, có hai:

“Lấy đó v.v...” trở xuống là xác định rõ ràng về sự kết luận là bác bỏ. Có hai:

“Kinh này trở xuống là chỉ bày về không ngại hai: Giải thích sơ

lược mà giải thích, có hai:

Kế là chỉ bày về sự đầy đủ và sơ lược của danh nghĩa thuộc Giáo môn, có hai:

Một là chỉ bày hai môn.

Hai là “Nên làm v.v...” là nói về bốn câu, có hai:

Một là chỉ bày trực tiếp về ba câu: “mười tám không v.v...”: Thể của không chỉ có một nhưng do dứt trừ các cảnh nên tùy theo cảnh mà đặt tên. Như lửa là một nhưng tùy theo vật bị đốt mà có các tên gọi khác nhau. Nghĩa ở dưới danh từ tất nhiên cũng phải khác. Vì vậy, do không có pháp bên trong mà gọi là Nội không, do không có pháp bên ngoài mà gọi là Ngoại không, không có mười tám cảnh gọi là mười tám không. Hai mươi không, hai mươi bốn không cũng giống như vậy. Do đó, danh và nghĩa đều lập đầy đủ về danh từ của một loại không. Chỉ giải thích sự dứt sạch cho nên danh nghĩa đều lược. Như pháp tánh, v.v... đều đặt tên rất nhiều, chỉ giải thích nghĩa của Bản tánh.

Hai là “Chỉ bày linh động về nghĩa thứ tư, có hai:

Một là nêu sự chỉ bày.

Hai là “Đến từ.. “ trở xuống là chứng minh lời giải thích: Chỉ lập hai thứ Không gọi là sơ lược. Danh từ này mới gọi là nghĩa khắp cả mười cõi. Vì từ Phạm đến Phật đều có chúng sinh và năm ấm.

Hỏi: Vị trí đến Thanh văn thì sinh và pháp đã không, vì sao Thích Luận nói rằng đến quả vị Phật vẫn còn chúng sinh và Pháp? Lẽ nào chỉ mình Phật là còn? Như thế, ý nghĩa của tên gọi Vô thượng là thế nào?

Đáp: Tuy Tiểu thừa bàn về không nhưng cuối cùng cũng trở về nguôi thân bất trí. Vì vậy, nhập Vô dư thì Sinh và Pháp dứt hẳn. Đại thừa nói về không thì thể của không là thường trụ, lại không chỉ có một loại giác tánh thường trụ, nên biết rằng tất cả Sinh và Pháp đều Thường trụ. Vì thế, Sinh và Pháp chưa không hóa thì phạm phu thô lậu yếu kém; nếu sinh và Pháp đã trở thành không thì cao hơn, rộng lớn hơn. Do vậy quả cùng cực thì không gì hơn sinh, Pháp. Đó gọi là sự rốt ráo của Không. Vì thế, Đại sư Kinh Khê nói: “Quả ba ngàn thành tựu đều gọi là Thường lạc. Nếu thiếu ba ngàn thì làm sao có Sinh, Pháp, Y và Báo”.

Kế là “Nay nói v.v...” trở xuống là giải thích danh thì sơ lược mà nghĩa thì đầy đủ của phẩm ngày nay, như sau:

- Giải thích chúng sinh căn độn, có hai:

- Xác định đầy đủ, sơ lược, lợi và độn, có hai:

Một là y theo Văn-thù để lập: Hợp với đầy đủ là Lợi, hợp với sơ lược là Độn.

Hai là “Lời nói ấy v.v...” trở xuống là y theo Nghĩa trì để lật lại: Thân tử mới gặp A-kỳ nói kệ giải thích nghĩa của ba đế là khổ, tập, diệt khiến cho được mau chóng chứng đắc, nên không nói đạo đế. Thân tử vừa nghe liền ngộ được Sơ quả. Đến khi Thân tử nói lại cho Mục-liên thì nhờ nghe lại lần hai mới ngộ về Đạo đế. Nói một lần là sơ lược. Nói lại là đầy đủ. Điều ấy lẽ nào lại không phải sơ lược của Nghĩa trì là lợi mà đầy đủ là Độn ư?

Kế là “Kinh này v.v...” tro là chỉ bày về lợi và độn của cơ ngày nay, có hai:

Một là nói về ý của kinh: Tự thân không thể nắm giữ đầy đủ về sự giải thích danh và số, nên gọi là Độn căn.

Hai là chỉ bày về cơ ngày nay: Nếu nói về nghĩa thì nghe sơ lược mà ngộ gọi là Lợi căn. Kinh Vô Kiến chép: “Chúng sinh căn tánh độn” tức là nói rằng căn cơ ngày nay không thể ngộ được. Đối với Vô Lượng nghĩa cũng không ít hơn đối với trí tuệ, cũng y theo trí Văn trì ở đây cũng giống với luận Khởi Tín chép “Tìm kiếm ở luận đầy đủ, văn dài rườm rà. Vì người thích lời văn ít mà thấu nhiếp nhiều nghĩa nên soạn luận này”. Lại, “Cuối cùng, vì nghĩa sâu xa, rộng lớn của Chư Phật mà tôi đã thuận theo Tổng trì để nói phẩm này. “Nói sơ lược về Vô Lượng nghĩa không” đồng với “Tổng trì kia.” “Nói về nghĩa sâu xa v.v...”.

Kế là giải thích về nghĩa của Vô lượng không, có hai:

Một là y theo Chân và Trung để phân biệt Thiên chân và Đoạn diệt, không có sắc tâm. Đó là nghĩa không hữu lượng: Trung đạo có đủ sắc tâm vi diệu, sinh ra không cạn kiệt và dung nhiếp không bỏ sót, là thuộc về nghĩa không Vô lượng.

Hai là đứng ở lập trường kinh này để chỉ bày, đã nói về Pháp tánh mà tánh thì không thay đổi. “Đó là thật tướng của thường đức”: Tức là tướng của Trung, của Thật. Phẩm này nói: “Mong cầu Pháp thân chân thật ở Như Lai”. Bản dịch mới nói: “Pháp thân là thường hằng, là Thật”. Thật là ngã đức, sự tự tại của nó là vô cùng. Đã có Thường và Ngã thì lẽ nào lại thiếu Tịnh và Lạc? Bốn đức càng làm sáng tỏ nghĩa của không thuộc Vô lượng như sau:

- Giải thích phương tiện lạ lùng và mâu nhiệm.
- Giải thích về việc khởi các tâm Đại bi.
- Giải thích về “nay Ta giảng nói”.
- Giải thích về “Đều thấy được ý tưởng của chúng sinh.
- Chính là nói về Không, có hai:
- Chia văn lập ý, có hai:

Một là chia vãn.

Hai là lập ý, có hai:

Một là chỉ bày trực tiếp: “Không có cảnh v.v...”: Cảnh của sinh và Pháp đều là ba đế siêu việt. Vì thế, Đại sư nói “Phép quán của hai thứ không” và Cảnh sinh ra pháp khởi sự quán sát thì sự quán sát ấy mới chân chính. Sự quán sát siêu việt chiếu soi thì cảnh ấy mới hiển bày. Nói đầy đủ về Cảnh và Quán khiến cho được chân chính, được sáng tỏ.

Hai là Dẫn chứng mười phen để xem xét: “Cảnh trí”: Cảnh tức là mười cảnh, Trí là mười thừa. Nói mười cảnh là:

1. Cảnh của âm và Nhập.
2. Cảnh phiền não.
3. Cảnh bệnh hoạn.
4. Cảnh nghiệp tướng.
5. Cảnh của việc ma.
6. Cảnh Thiên định.
7. Cảnh của các thứ quan điểm.
8. Cảnh của Tăng thượng mạn.
9. Cảnh Nhị thừa.
10. Cảnh Bồ-tát.

Ấm là hiện tiền, còn Chín cảnh khác thì phải đợi đến sự phát khởi. Dấu là hiện nay hay đợi phát thì tất cả đều phải tu tập quán trí của mười thừa. Nói mười thừa là:

1. Quán sát cảnh không thể suy nghĩ bàn luận.
2. Y theo Cảnh để phát tâm Bồ-đề.
3. Khéo an định chỉ quán.
4. Pháp pháp cùng khắp.
5. Biết thông suốt và bít lấp.
6. Điều phối Đạo phẩm.
7. Đối trị giúp khai.
8. Biết thứ lớp, vị trí.
9. An nhẫn.
10. Vô pháp ái.

Mười thừa này đều là mười thứ cảnh dứt bật đối với sự nghĩ bàn. Vì vậy, năm phẩm có được quán sát dứt bật của quán hạnh, Thập Tín đạt được sự dứt bật của Tương tự luận, bốn mươi bốn vị dứt bật Phần chứng luận, Diệu giác dứt bật Cửu cánh luận. Văn ở dưới chép: “Tức là Tán chi tự nói gọi là nghĩa Mật”, đó gọi là Cảnh và trí đều không

thể suy nghĩ bàn luận. Bản mới dịch nói “Pháp là Cảnh, Như là không khác.” Đều là nhắc lại. Bởi, Cảnh và Trí vốn không khác nhau nhưng vì tình thức mà khác nhau, nay lại không khác nhau. Đại sĩ Đông Dương nói:

Một là như thuộc bản tánh.

Hai là như sự dứt trừ kiến sử.

Vị trí không khác với cảnh nên gọi Như Như pháp. Vì cảnh không khác với trí nên gọi là Như Như trí. Nay đều nói đối với ý của không thể suy nghĩ bàn luận.

Kế là “Nói về không v.v...” trở xuống là theo văn giải thích nghĩa, gồm có:

Một là nói về cảnh của Không, có hai:

Một là chia văn lập ý, có hai:

Một là chia văn.

Hai là Lập ý, có năm:

Một là Chỉ bày trực tiếp về hai tướng: “Nói thật pháp”: đối với “Tịnh giả tướng là bất tịnh” là phép quán thuộc Sự. Nay vì đều quán sát về lý đối với năm ấm và người thuộc giả huyễn nên gọi là Thật pháp. “Thân tuy v.v...” trở xuống là nêu ra nghĩa giả tướng.

Hai là “Cũng gọi v.v...” là chỉ bày về hai tên khác nhau. “Hạnh hạnh”: Trên hạnh của Tuệ lại thêm hạnh của việc tu tập thuộc sự. Vì vậy, Đại sư gọi là “Hạnh hạnh”. “giúp đạo” là dùng tướng bất tịnh phá tham ở trong sự. Vì giúp cho chánh quán phá trừ chướng và hoặc thuộc Lý nên gọi là giúp đạo.

Ba là “Tiểu thừa v.v...” trở xuống là nói Đại Tiểu đều tu tập, có hai:

Một là Nói về ba thứ giải thoát của Tiểu thừa: không nói về Vô ngại giải thoát vì người của Câu thoát thấu đạt Điển tịch trong ngoài được gọi là Vô ngại. Nay vì nói về Chánh và Trợ nên lại nói về hai thứ.

Hai là Nói về Đại Tát-bà-nhã: Đại luận dịch là “Nhất thiết trí du hý thần thông”. Vì ở trong ba cõi mà đạt được Tự tại nên gọi là “Du hý”. Vì tu được thần thông nhiều hơn sự khởi phát của Cửu tướng, Bối xả v.v... nên dùng Giả tướng làm Pháp giúp đạo. Xe lớn của pháp hoa độ đủ cả trâu trắng nên gọi là Chánh đạo, dẫn dắt gọi là giúp. Chánh tuệ của Niết-bàn xa lìa mười tướng là sắc, thanh, hương vị, xúc, sinh, trụ, hoại, tướng nam và tướng nữ; Vì chủ thể xa lìa được sâu xa nên đối tượng được xa lìa chẳng phải là nhẹ “Lại nữa, để v.v...” trở xuống

là giải thích về giúp đạo: Thiền thuộc Sự của tướng xương trắng v.v..., v.v.... tức là dùng ba phép quán đối với Cảnh của thiền thuộc sự để phá chướng ba hoặc, hiển bày ra Ngũ tánh thành Tam-muội vương. Phối hợp tu tập giữa Chính và Trợ gọi là Pháp giới của đạt thiền và thấy thiền.

Kế là “Các kinh v.v...” trở xuống là nói về vấn đề kinh luận có đầy đủ, có sơ lược.

Kế tiếp là nói hai nghĩa của phẩm này đều sơ lược.

Kế là “Thật pháp v.v...” trở xuống là tùy thích, như sau:

- Nói cảnh thật pháp, có hai:

Một là chia văn.

Hai là Tùy văn giải thích, lại có:

- Nói về cảnh của quả khổ, có ba:

- Cảnh của sinh không, có hai:

- Giải thích: Thân là luống dối, có hai:

- Vì đó là quan niệm sai lầm cho nên thuộc về luống dối, có hai:

Một là Cho rằng nhóm họp ấm mà có thân: “Bám níu ấm mà thành thân”. Năm ấm hòa hợp giả gọi là thân. Như nhóm họp năm ngón tay mà gọi là nắm tay. Phàm phu không nhận biết, chấp cái tên gọi là Giả ấy để làm ngã, v.v... Nếu nói đầy đủ thì có hai mươi sáu loại:

1. Ngã.
2. Chúng sinh.
3. Thọ giả.
4. Mạng giả.
5. Sinh giả.
6. Dưỡng giả.
7. Chúng số.
8. Nhân.
9. Tác giả.
10. Sử tác giả.
11. Khởi giả.
12. Sử khởi giả.
13. Thọ giả.
14. Sử thọ giả.
15. Tri giả.
16. Kiến giả.

Nay sở dĩ Đại sư nói sơ lược là năm vì: Ngã ở trong pháp của ấm v.v... nếu tức là hoặc, nếu lìa hoặc mà cho rằng có cái Thật của Ngã và Ngã sở. Nhân: Ở trong ấm mà quan niệm sai lầm về Ngã, Nhân.

Chúng sinh: thì đối với ấm vọng chấp là ngã sinh ra.

Thọ giả: Đối với pháp của ấm v.v... mà quan niệm sai lầm rằng ta thọ quả báo trong một thời gian.

Tuổi thọ giả: Đối với các pháp ấm v.v... mà quan niệm sai lầm rằng mạng căn được liên kết, duy trì, không chấm dứt. Vì chấp như vậy nên mới chấp rằng có thân ta, gọi là “Thân kiến được sinh khởi”.

Hai là “Nếu Thể v.v...” trở xuống là thể vốn luống dối, không thể đạt được Vọng chấp có sinh nhưng sinh thật bất sinh. Vì thế, Sinh gọi là luống dối. Đã vốn bất sinh nên chấp thân vắng lặng. Lại giống như như không thể.

Kế là “Lại nữa, xem xét v.v...” trở xuống là xem xét lý do hoàn toàn luống dối, có hai:

Đầu tiên chính là kiểm chứng, có hai:

Một là Kiểm chứng về giả danh: “Do một niệm Vọng tưởng”: Đó là, lúc con trai gá vào thai thì thấy mẹ là cảnh chấp lấy, thấy cha là cảnh bị cạnh tranh; đối với mẹ thì khởi lòng tham, đối với cha thì khởi tâm sân; chất chảy ra của cha thì lại cho là của mình. Do niệm tưởng sai lầm ấy mà gá vào thai. Con gái thì trái lại, có nói đầy đủ như trong Đại kinh. “Khởi đầu của giả danh”, tên gọi nam nữ là do vọng tưởng này làm khởi đầu.

Hai là “Đó cũng v.v...” trở xuống là xem xét về lý do của Thật pháp, có hai:

Một là (Huyết) đỏ, (Tinh) trắng tức là di thể.

Ba tánh: tức là Thiện, ác và Vô ký.

Hai là “Lại nữa, Tinh v.v...” trở xuống là sáu đại, năm ấm: sáu đại là lý do mà Thật pháp y cứ. “Nếu hai thứ quán này v.v...” trở xuống là kết thúc sự chỉ bày: Thân là huyễn chất. Danh là giả danh. Đã do vọng tưởng và từ Tinh, huyết thì nghiệm ra thân được thành tựu kia gọi là luống dối.

Kế là Giải thích về “Giống như sự nhóm họp của Không”. Nghiệm lực Vô minh, nghiệp tức là Hành, đó là Vô minh duyên Hành, hoặc lúc mới gây nghiệp, hoặc lúc gá vào thai như trước đây nói về thức của trai hoặc gái khởi tham sân đối với cha mẹ, lấy chất chảy ra của cha mẹ mà cho là của mình, do vọng niệm đó mà được gá thai. Thể tức là di thể, tức là đỏ và trắng.

Kế là từ “sáu v.v...” trở xuống là thể hội cảnh của pháp không, gồm có:

- Lập ý chia văn, có hai:

Một là Lập ý.

Hai là chia văn.

- Theo văn giải thích, có hai:

- Giải thích sáu nhập, có bốn:

- Giải thích về sáu nhập, lại có:

Một là Giải thích hai tên.

Hai là “xem xét v.v...” trở xuống là kiểm chứng về ba việc: “Mạng, Noãn, Thức”: kinh Đại Tập chép: “Giai đoạn Ca-la-la có ba việc”. “Hơi thở vào ra” gọi là tuổi thọ. “Không thối không hư hoại” gọi là Noãn. Tức là do nghiệp giữ gìn Hỏa đại, sắc mềm thuộc Địa, Thủy v.v... không bị thối, nát vữa. Trong đây, tâm và ý gọi là Thức, tức là giác biết trong tên gọi là Sát-na. Ba pháp hòa hợp, từ lúc sinh ra cho đến lúc lớn lên không thêm, không bớt. “Bảy ngày thay đổi một lần”: Tức là nói lúc đang ở trong thai, bảy ngày đầu tiên gọi là Tạng trạng, như chất bơ đặc lại. Bảy ngày thứ hai gọi là Bào trạng, như bọc ung mọt. Bảy ngày thứ ba gọi là Ngưng kết trạng, như máu đọng. Bảy ngày thứ tư gọi là Ngưng lậu, vì đã hơi cứng. Bảy ngày thứ năm gọi là Hình vị, vì tứ chi khác nhau. Bảy ngày thứ sáu gọi là Mao phát trào xỉ vị. Bảy ngày thứ bảy gọi là Cụ căn vị, vì đã đầy đủ năm căn, cộng với thức trước là ý căn thành đủ cả sáu căn.

Kế là “Thức y cứ v.v...” trở xuống là giải thích xóm làng.

Ba là “Trần đi theo v.v...” trở xuống là giải thích: Sự chấm dứt của Giác kiết sử, do trần mà khởi kiết. Vì hại luôn tuệ mạng nên nói là giác kiết sử.

Bốn là “Mất thấy v.v...” trở xuống là giải thích “Vì không biết nên rình rập nhau”.

Kế là Từ “Mất v.v...” trở xuống là giải thích mười hai nhập, có bốn:

Kế là y theo sự mở ra để phân biệt vô số: “Mở rộng Sắc thành mười”: Tức là năm căn và năm Trần. “Phần ít”: Tức là pháp nhập nhiếp vào hai thứ pháp.

Một là Tâm pháp: trừ tâm vương ra chỉ lấy các tâm sở thuộc tương ứng.

Hai là Phi tâm pháp: Tức là pháp quá khứ, hiện tại, vị lai và các hành thuộc Tâm bất tương ứng cùng ba pháp vô vi. Ở đây nói “Phần ít” tức là chẳng phải sắc thuộc quá khứ, vị lai ở trong tâm pháp. “Mở rộng tâm thành hai”: Đó là ý nhập và pháp nhập. Nhưng đối với pháp, Nhập cũng chỉ là phần ít. Tức là đối với hai thứ là pháp và Nhập thì chỉ nhiếp

tâm pháp. Nay nói hai tức là nêu lên toàn bộ số.

Kế là “Trần Nhập v.v...” trở xuống là nói về tên gọi chung và riêng.

Kế tiếp là “Tương đương với một v.v...” trở xuống là giải thích về mỗi loại tự duyên.

Kế nữa là “Căn khác v.v...” trở xuống là giải thích về sự không duyên với loại khác.

Kế là “Theo tâm v.v...” trở xuống là giải thích về mười tám giới, có hai:

Một là phân biệt về số để giải thích danh từ.

Hai là Tùy theo văn để giải thích nghĩa, có ba:

Một là nói về thức hiện hữu ở các Căn: Truy tìm và duyên với quá khứ, dự toán đến vị lai. Trì sinh giống như rong ruổi. “Như người v.v...” trở xuống là nêu điển hình: Ngồi yên trong một căn phòng mà tâm suy nghĩ khắp nơi trong thiên hạ. ái nhiễm trần duyên gọi là ngồi mà rong ruổi. Nếu tự chẳng phải cái không siêu việt thì chẳng thể dứt các tướng rong ruổi. “Vì ngu v.v...” trở xuống là giải thích việc bị sáu tên cướp làm hại: Như Đại kinh chép: “Phẩm Đức Vương nói “Thí như có vị Vua dựng bốn con rắn độc trong cái hũ nhỏ rồi sai người chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu làm cho một con tức giận thì ta sẽ y theo pháp mà tru lục. Người giữ gìn liền vứt bỏ cái hũ nhỏ mà chạy trốn. Vua lại sai năm gã Chiên-đà-la cầm đao đuổi theo. Một kẻ giấu đao giả làm người thân thiện, nhưng người giữ rắn ấy không tin mà chỉ chạy vào một ngôi làng để trốn. Lúc vào làng rồi thì chẳng thấy người và vật nữa. Người ấy ngồi dưới đất và nghe trong hư không có tiếng nói rằng: “Đêm nay sẽ có sáu tên cướp hung ác đến đây”. Người ấy sợ hãi, liền bỏ chỗ đó mà đi. Trên đường đi gặp một dòng sông, nước sông tuôn chảy cuộn cuộn. Người giữ rắn liền dùng cây cỏ làm thành một chiếc bè, cắt dòng chảy mà đi. Qua được bên kia sông rồi thì được yên ổn, không lo lắng nữa. Bồ-tát cũng giống như vậy, nghe kinh Niết-bàn mà quán sát thân như cái hũ nhỏ, bốn đại như rắn dữ, năm gã Chiên-đà-la tức là năm ấm, kẻ giả thân thiện tức là tham ái, xóm làng hoang vắng tức là sáu nhập; sáu tên cướp tức là sáu trần, sông tức là sông phiền não, chiếc bè tức là Đạo phẩm, đi đến bờ kia Thường, Lạc, Ngã Tịnh.

Hai là “Tâm thường v.v...” trở xuống là nói về tính chất thường tồn tại của Thức: Căn và Trần vừa đối liền biết”: Tức là đối trước trần liền biết. Dẫn luận để chứng minh cho nghĩa “liền biết” đã nói “tâm muốn nghe” tức là biết thức ở căn.

Ba là “Tâm xứ v.v...” trở xuống là nói thức thường đi về: “Chợt ra chợt vào”: Vì đối trước trần nên đi ra, không đối thì lập tức đi vào “Xuất nhập gián quan”: Pháp sư ứng nói: “Đó là nói về ra vào”. Cũng là dáng vẻ bày biện, sắp đặt”. Trang tử nói: “Tiểu trí phân biệt” Tức là cách trở, ngăn ngại. “Mổ một bỏ một”: Bỏ một mắt lại mổ lấy một mắt lười. “Cách trở, ngăn ngại khó ra, được nói là Thường trụ”: Vì trần vừa đối diện thì biết ngay.

Kế là từ “Thân v.v...” trở xuống là kết về hai cảnh, có hai:

Một là nêu bày.

Hai là “Thân không v.v...” trở xuống là giải thích, có hai:

Một là Giải thích về hai câu đầu tiên để kết cảnh của sinh không: nuôi lớn tức là Dưỡng dục kiến, một trong mười sáu thứ kiến. Quan niệm sai lầm rằng ta có khả năng nuôi dạy người khác, lại quan niệm rằng ta là bậc cha mẹ nuôi dạy.

Hai là “Cũng không v.v...” trở xuống là giải thích hai câu sau để kết luận về cảnh của pháp không, có hai:

Kế là giải thích xa về không có chủ thể, có hai:

Một là kiểm chứng riêng: Tâm làm chủ tất nhiên là có khả năng chế tác và được tự tại. Đã bị người khác làm não hại thì cố nhiên là hai nghĩa chế tác và tự tại bị phá. Qua đó, chúng ta biết rằng tâm chẳng có chủ thể.

Hai là “hoặc có lúc v.v...” trở xuống là cùng suy về chủ: “Bốn thứ vi tế”. Tức là Sắc, Thanh, Hương vị và Xúc. Đại luận chép: “Địa có Sắc, Hương, Vị và Xúc. Nhưng vì đất nặng nên không tạo tác gì. Thủy ít có Hương nên động tác hơn hẳn Địa, Hỏa ít có Hương, Vị nên thế hơn hẳn Thủy. Phong có ít Sắc, Hương và Vị nên động tác hơn hẳn Hỏa”. “Tâm không ngang bằng”: Vì tâm so với bốn đại là không mượn sự sâu kín và hơn hẳn cho nên là chủ. Nhưng, nếu nói về làm não hại thì lại không thành chủ thể.

Kế là Giải thích tùy theo sự không tranh luận: Tuy do nhân duyên hòa hợp mà thành các pháp, nhưng vốn chẳng có Tư và Niệm thì làm gì có sự tranh đấu, kiện tụng, vì đều do quan niệm của tính thức mà bốn đại trở nên như rắn, sáu trần thành như cướp. Nếu quán vốn không thì các pháp đều vắng lặng, có ai là người tranh chấp, kiện tụng. Vì vậy, Đại sư dùng không tranh tụng để kết thúc Cảnh của pháp không.

Từ “Các v.v...” trở xuống là nói về cảnh của Tập nhân, có hai:

- Chia văn đối biện, có hai:

- Chia văn, đối biện, có hai:

Một là đối với giả tưởng để phân biệt: “Ba ở trước: Tức là Cảnh của Tập này tự lập ra ba khoa. Đó là tướng của Tập khởi là cảnh của chánh quán thuộc Tuệ hành. Một khoa sau là Giả tưởng, là cảnh của giúp đạo quán thuộc Hạnh hành. Chín hàng văn kinh này đã có sự nối liền nhau mà lại nói “Vì bốn đại dường như khó phân biệt” nên Đại sư so sánh ba khoa trước với một khoa sau mà nói về chánh và trợ để phân biệt chúng ta. “Lại nữa, một khoa trước”: Tức là lấy một khoa đầu tiên trong số ba khoa của Tập cảnh với Giả tưởng của khoa sau để nói về sinh diệt. Vì một khoa ở trước nói rằng “Từ sự hòa hợp của nhân và duyên mà có” đồng thời cho rằng “đất, nước, gió, lửa nhóm họp mà thành lập”, một khoa sau nói “Lúc hạt giống nước, lửa và gió tản mát, diệt hoại”; như vậy, lẽ nào lại chẳng phải tướng sinh diệt của bốn đại ư? Nhưng sở dĩ nói rằng “Sinh diệt đều từ sự vô minh của hạt giống” là vì muốn làm sáng tỏ sự sinh diệt này không lìa mê tối và luống dối. Do đó, đối với giai đoạn sinh ở trước thì nói là “Vì vọng tưởng nên sinh khởi”; đến giai đoạn Diệt ở sau thì nói là “Lúc tản mát và diệt hoại là chết”; đến phần phối hợp của chi thì nói “lo buồn khổ não”, đó là quả Vô minh và cũng là nhân vô minh. Vì vậy, luận chép: “Già chết có quả, đó là Vô minh, Vô minh có nhân, đó là chỉ cho già chết”. Do đó, sinh diệt đều xuất phát từ vô minh.

Hai là “Nếu trực tiếp v.v...” trở xuống là đối với Tiểu thừa mà nói: Vô minh sinh diệt như đã nói ở trên thì giáo lý nào mà không như vậy? Nếu muốn biết rõ thì phải nói về Tiểu và Diển. Tiểu thừa nói rằng bốn đại thật sự sinh ra từ Vô minh và từ Vô minh mà diệt. Giảng nói bốn đại cùng có, vì thể của bốn đại thuộc Thông giáo trong ba loại giáo vốn là không. Vốn chẳng sinh diệt, do Vô minh nên thấy có sinh diệt; sinh của như huyễn, diệt của như huyễn. Thể của bốn đại thuộc Biệt giáo là Phật tánh. Do Vô minh nên bốn đại sinh diệt; Tánh chẳng sinh diệt nhưng tướng thì có sinh diệt, thể của bốn đại thuộc Viên giáo cũng là Phật tánh. Nhưng tánh vốn có đủ cả chín cõi, vì là bốn đại. Chín và bốn đại hoặc sinh hoặc diệt đều là pháp giới. Do đó, cả tánh và tướng đều bất sinh diệt, sinh diệt này không thể suy nghĩ bàn luận. Vì thế, kinh Pháp Hoa nói rằng “Tướng thế gian thường trụ”. Nghĩa của câu ấy đã như vậy thì giải thích ba giáo đều được sáng tỏ về “Vốn bất sinh mà sinh, Vốn không Diệt mà diệt. Sinh diệt chẳng hai mà hai”. Nay đã chẳng phải Thông và Biệt thì tất nhiên là nói theo Viên.

Kế là Từ “Các v.v...” trở xuống là tùy theo văn để giải thích nghĩa, có ba:

- Nói về tướng tập khởi, có hai:

- Y theo Sinh và Pháp để giải thích, có ba:

Một là phân biệt khổ từ Tập: Khổ là quả thế gian, Tập là nhân thế gian. Nhân quả đó đều sinh ra từ nhân duyên. Sự giải thích của hôm nay tuy liên quan đến quả khổ nhưng thật ra ý của sự giải thích ấy là làm sáng tỏ về nhân duyên của Tập.

Hai là “Ba loại trước v.v...” trở xuống là chia câu đối nghĩa.

Ba là “Tiểu thừa v.v...” trở xuống là phá nhân duyên của Tiểu thừa, có hai:

Một là nói về Tiểu thừa: Câu-xá nói: “Cực vi chẳng phải là vàng, cây, cỏ, dê, trâu, bụi v.v...” Tiểu thừa Hữu nên cho là Cực vi. Vì bắt đầu có mười phương phân nên chẳng phá Lân hư. Lấy đó làm nhân duyên.

Hai là “nay nói rõ v.v...” trở xuống là bác bỏ sai lầm. “Bụi nhỏ cũng hết”: Lân hư cũng phá. Hai trần đã phá nên nhân duyên cũng không thành.

Kế là “Nói nhân v.v...” trở xuống là y theo Sinh và Pháp để giải thích, có:

- Nhân duyên của giả danh, có ba:

Một là giải thích: Từ các thứ nhân duyên này nên dùng luận Khởi Tín để nói: “Vô minh làm nhân sinh ra ba tế, cảnh giới làm duyên ra sáu thô mới trọn vẹn. Ý của Sơ nói ba tế là Nghiệp tướng, Chuyển tướng và Hiện tướng. Tức là căn bản bất giác huân tập chân như sinh ra ba tướng. Vì vậy, Đại sư nói: “hoặc bên trong của Vô minh là nhân”. Nói sáu thô tức là nói về trí tướng, tướng tục tướng, chấp thủ tướng, kế danh tự tướng, khởi nghiệp tướng và nghiệp hệ khổ tướng. Tức là Chi mật bất giác khởi lên trí tướng v.v... đối với cảnh giới bên ngoài. Hai thứ chấp là Sinh và pháp gọi là ái nhiễm, đấm nhiễm đối với sự xúc chạm ở bên ngoài. Vì hai thứ bất giác huân tập vào hai thứ tâm chấp đấm thành khởi nghiệp. Vì thế, Đại sư nói “Do Vô minh nhuận ái tập mà nghiệp khởi lên”. Bồng nhiên đều không phân biệt được, mê pháp giới của một mà thành Vô minh. “Nội hoặc, v.v...” lẽ nào có khả năng làm sáng tỏ không tuệ của Trung đạo hôm nay.

Hai là “Vì nghiệp v.v...” trở xuống là giải thích về hòa hợp mà có: “Vì nghiệp khởi”: Tức là khởi lên nghiệp tướng. “Thì có v.v...” trở xuống tức là nghiệp hệ khổ tướng. Ở đây nói quả của khổ tức là “Bám víu vào ấm mà thành người thuộc giả danh”.

Ba là “Một này v.v...” trở xuống là giải thích: “Không chắc, Thật. Do vô minh, ái”: Hai thứ bất giác làm nhân, tức là tâm thuộc chủ thể

Sinh. Một niệm gá thai là quả Bất giác, gọi là tâm thuộc đối tượng được sinh. Chấp đấm nhân quả gọi là Bốn và Mạt. Đã là bất giác thì lẽ nào lại Chân Thật. Vì thế, Đại sư nói “Đều là luống dối không chắc, thật”.

Kế là “Vọng tưởng v.v...” trở xuống là Thật pháp, nhân duyên cũng là vọng tưởng: Một niệm gá thai so với trước là chẳng khác. Nhưng, trước thì Thành đối với người thuộc giả danh mà nay thì Thành đối với thật pháp. Giả và Thật hòa hợp mà thành một báo thân. Nhờ tu tập hai thứ không mà phá được hai thứ chấp nên chia làm hai cảnh. “Chủ của máy móc”: Như sự chuyển động của người giả bằng tượng gỗ có máy móc. Chủ tức là người điều khiển máy móc. Vì thế, dùng nghiệp nhân dụ cho tượng gỗ là cái được điều khiển. Lấy ấm quả dụ cho Sắc. Vì ấm giống như hình chất của tượng gỗ nên nói là đầy đủ máy móc. Ba ấm như động tác đi, lại của tượng gỗ. Ấm như người xem, cho nên nói là “Để tự vui đùa”.

Kế là “Tùy thời v.v...” trở xuống là nói về sự căn nuốt, của Tập tướng, có hai:

Kế tiếp là Nhân quả đối thích, lại có:

Một là giả thích: “thêm bớt tàn hại, chiêu dọc y theo mười thời”:

Đại kinh chép:

1. Đắc dị của Ca-la-la.
2. Thời dị của A-phù-đà.
3. Thời dị của Bế thủ.
4. Thời dị của Pháo.
5. Thời dị của Sơ sinh.
6. Thời dị của trẻ thơ.
7. Thời dị của Đồng tử.
8. Thời dị của Niên thiếu.
9. Thời dị của thanh niên.
10. Thời dị của già chết.

Lại, niệm niệm sinh diệt tuy ở tại tâm, nhưng chúng ta phải biết rằng bốn đại cũng có thêm bớt. Lại, vì các căn mới gọi là lúc sinh, nên lúc các căn chết lại ăn uống để bồi bổ máu, thịt làm mất, nước mắt, lỗ tai v.v...

Kế là “Thí như v.v...” trở xuống là giải thích về “Bốn con rắn trong một cái hũ nhỏ, lại có:

- Nói về bốn con rắn, có hai:

Một là y theo quả báo rắn để nói về bốn tướng: Rắn có các thứ quả báo như lực, đối địch, ốm và tuyệt v.v... có thể làm thí dụ cho bốn

tướng thêm bớt của sinh, già, bệnh, chết.

Hai là “Như đó v.v...” là y theo nhân của rắn để nói về bốn phần: Bốn phần phiền não đều có độc hại tức là rắn. Do nhân đó mà chiêu cảm bốn tướng của bốn đại, như sau:

- Chỉ bày riêng về sự chiêu cảm quả báo của bốn phần, có hai:

Một là Nói về sự sinh ra bốn đại.

Hai là “điểm lành v.v...” trở xuống là nói về bốn tướng: kinh nêu ra ba tướng. Sở dùng Đẳng phần làm lệ chung đến tướng sinh.

Kế là Tổng kết về nghiệp của Tập đưa đến khổ. Sự giải thích về bốn con rắn ở trên tuy có nói về quả báo của khổ, nhưng vì ý là nói về nhân duyên của tập nên Đại sư Tổng kết rằng “Tướng của tập nghiệp là căn”. Khiến cho Đại thêm bớt, công được quy về tập, là ý chính của kinh.

Kế là Nói về “Cùng một hũ nhỏ”, có hai:

Một là y theo Thân là hũ nhỏ. Thích tức là làm độc. Kinh nêu bốn con rắn để dụ cho bốn đại, ý là để sáng tỏ bốn phần có nghĩa của độc hại. Một phần có hai muôn một ngàn, bốn phần có tám mươi bốn ngàn, từ vô lượng kiếp đến nay sở dĩ tuệ mạng của pháp thân bị mất là do chúng. Đó là ý “Thân giữ bốn đại, Đại không khởi Tập, rắn không có nghĩa của độc, như chim ở trong lồng” mà Đại kinh có nói. Văn tiếp theo sẽ nêu lại. Vì giải thích sơ lược nên chú “v.v...”.

Hai là “Lại dùng v.v...” trở xuống là y theo nghiệp là cái hũ nhỏ: Vì Túc nghiệp vẫn còn nên bốn đại chưa tan rã. Lại nêu cái lồng chim để làm sáng tỏ về nghiệp, cái hũ nhỏ. Chúng ta nên biết rằng ý của bản sở ngày nay nêu nghiệp, giữ gìn Đại là làm sáng tỏ về Tập nhân, vì thế gọi là chim tâm. Chim dụ cho bốn phần rong ruổi theo sáu trần bên ngoài, thường tìm cầu sinh tử chứ không an định pháp thân. Nếu niệm nào của người cũng nghĩ đến việc phá giới tức là mong cầu địa ngục, tiêu diệt hẩn năm phần, nghiệp người của đời trước vừa hết thì rơi hẩn vào Nê-lê.

Thứ đến giải thích về tánh của Đại đều khác nhau, có hai:

Một là y theo một thân để giải thích. “Tánh khác v.v...”: Tuy nói rằng bốn đại hòa hợp làm thành thân, nhưng vì tánh của đại đã khác nhau thì làm sao hợp thành được? Đây là làm sáng tỏ vấn đề trong thành lập tức có hoại. Vọng tình chẳng biết đối với hoại nên chấp sự hợp thành, bao bọc và chấp mắc Tập của Sinh. “Bốn Đại đối với bốn phương”: làm sáng tỏ về bốn Đại ở bên trong có Tánh của bốn phương. Vì bốn phương Thăng và Giáng nên chúng ta nghiệm ra rằng Đại trái

ngược nhau. Ý của “Đối với thời, Đối với Duy” cũng giống như vậy. Vì thể Tánh của bên trong cùng thời, phương ở bên ngoài vốn là một. Vì thế, nghĩa của Y, Chánh, Sắc, Tâm, Chiêu cảm thành nghĩa. Do vậy, kinh nay đặc biệt dùng bốn đại để làm rõ về nghiệp của Tập.

Hai là “hoặc nói v.v...” trở xuống là y theo sáu căn để giải thích: Bởi sáu căn đều là bốn đại tạo sắc.

Kế là Giải thích về diệt tất cả không còn dư. Cho đến “Cũng lấy người chết thì bốn đại phân tán liền nói rằng hơi thở, gió, hơi nóng, khí lực đã trở về phần trên; xương, thịt, máu, mô hôi thì quay xuống dưới”. Cho đến “Tìm kiếm đều không có chỗ đi, vì vốn không đến. Nếu có đến, đi thì chẳng phải giáo lý của nay.

Tiếp là “Nếu quả v.v...” là kết do nghiệp của Tập: kinh nêu lên sự thăng trầm của bốn đại càng lăm chính là muốn nói về Thiện ác của Tập cảnh khác đường. Vì bốn đại không chỉ là ác mà còn có cả thiện hữu lậu.

Kế là nói về cảnh Thiện ác của Tập, có ba:

Một là Giải thích tâm thức: Người học về Tông nay phải biết về Cảnh và Quán. Nếu nói về Quán thì phải hiểu rõ ba Thức, là Thức thứ chín là Yêm-ma-la, là thức bất động. Thức này tương đương với Chánh nhân, Phật tánh. Có thể làm phép quán của trung. Thức thứ tám là A-lại-da, là thức vô ký vô minh. Tánh của Vô minh là Liễu nhân Phật tánh, có thể thực hành phép quán Không. Thức thứ bảy là A-đà-na, là thức phân biệt, vì là tánh của hoặc nên tương đương với Duyên nhân Phật tánh, có thể thực hành phép quán về Giả. Ba thức này đã không hai, không khác với ba đức nên là kho bí mật. Do đó chúng thâm nhiếp tất cả các pháp và hiện hữu khắp nơi. Người tu tập phép quán của Viên chắc chắn biết được không có một tâm, một trần nào chẳng phải là ba thức. Tức là Lý siêu việt thuộc đối tượng được hiển ra lại là phép quán siêu việt thuộc chủ thể quán. Nếu nói về Cảnh thì chỉ quý cái gần, cái chủ chốt, chỉ lấy thức của kiến tư thuộc thức thứ sáu để làm cảnh giới. Vì biết ba thức siêu việt chưa bao giờ tạm lìa một kiến, một tư, nên ngay nơi tâm này mà lập ra ba phép quán vượt hơn để làm sáng tỏ về ba đế siêu việt. Tuy chỉ là một thứ Thức nhưng chẳng hề không dùng ba Thức mà làm phép quán, chưa từng không dùng ba Thức để làm Cảnh. Nếu nói rằng Tông chỉ của nay không làm sáng tỏ về ba Thức mà chỉ làm sáng tỏ về Lý của ba đế đối với Thức thứ sáu thì sự giải thích tựa đề của nay và sự mâu nhiệm kia chỉ bày về ba thức là ba phép quán vượt hơn làm sao có thể dùng được? Thì lấy cái gì ở một thức tâm mà làm ba đế

ba quán. Vì vậy, nếu không có cái thấy thuộc thông suốt thì khó bàn về Tông chỉ của Viên. Nay vì làm sáng tỏ cảnh của Tập nên dẫn Lý có cả cả Tiểu của luận văn. Chỉ phân biệt một pháp có ba khả năng của tâm, ý, thức mà lập ra ba tên gọi. “Đối số gọi là Tâm”: Vì đối với tất cả số, các Đại đi chung v.v... nên gọi là Tâm Vương. “Thường sinh gọi là Ý”: Ý là chỗ nghiệp y cứ. Nghiệp y theo ý nên thường sinh khởi tất cả nhân quả. Vì nó có đủ ba Tánh, “Phân biệt gọi là Thức”: Vì nó nhận thức được về cảnh thuộc sở duyên nên gọi là Thức. “Lại nữa, nói v.v...” trở xuống tuy chỉ là một thứ Thức nhưng y theo sự khác nhau của ba thời mà lập ra ba tên gọi, không giống nhau với nghĩa, chỉ y theo một thời có đối số thường sinh ra sự phân biệt của sự giải thích ở trước. Trước là giải thích theo nguyên tắc chiều ngang. Ở đây giải thích theo nguyên tắc chiều Dọc. Đầu tiên là sinh khởi Cực vi, kế là khởi sự chấp đắm dần dần. Sau cùng, khởi sinh lại càng rõ ràng hơn. Như vậy lẽ nào lại chẳng phải chiều Dọc?

Kế là giải thích về hai tánh: Tánh có hai nghĩa: Một là Chân Lý không thay đổi gọi là Tánh.

Hai là theo duyên nhiễm tập gọi là Tánh. Sự nói về Tánh ở đây là y theo Tánh thuộc Nhiễm tập. Hai tánh ấy hiện hữu khắp tâm, ý, thức. Mỗi loại đều có hai tánh ấy.

Thiện là giải thích về thô tháo, loạn động, có hai:

- Chính là giải thích về thô tháo, loạn động.

Một là y theo tâm Vương và tâm Sở để giải thích.

Hai là “Lại nữa, như v.v...” là y theo sự lôi kéo của nghiệp để giải thích, có hai:

Kế là nói về sự lôi kéo của nghiệp, có hai: Một là Nói về hai thứ lôi kéo.

Hai là “Cũng là v.v...” trở xuống là giải thích theo lệ chung về tùy nghiệp, tức tương đương với bốn câu. Nếu hiểu được hai thứ lôi kéo tức là biết được thọ báo.

Kế là “Thủy, hỏa v.v...” trở xuống là nói về Cảnh của giả tướng, có hai:

- Chính là giải thích về tướng, có hai:

- Giải thích lúc tản mát, hoại diệt, có hai:

Một là giải thích Bất tịnh của Đại và Tiểu: Vì phá được dục tình giúp cho Chánh quán được lập ra nên gọi là giúp đạo.

